

Số: 560 /QĐ - UBND

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2016.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007; Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Ban hành kèm theo Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”; Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Phê duyệt Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng”; Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc: “Quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”;

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016”; Quyết định số 5259/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 444/STC-TCDN ngày 02/02/2016 về việc: “Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2016”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2016 để

các ngành, các đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Đối tượng và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 5259/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hòa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”;

2. Nguyên tắc phân bổ kinh phí hỗ trợ đợt này:

Phân bổ 80,0% số dự toán kinh phí đã được phê duyệt tại Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016”. Số còn lại sẽ phân bổ sau khi các đơn vị, địa phương có báo cáo tình hình thực hiện và có đề nghị bổ sung kinh phí hỗ trợ theo chính sách.

3. Kinh phí hỗ trợ phân bổ đợt này:

3.1. Tổng số: 6.400,0 triệu đồng (Sáu tỷ, bốn trăm triệu đồng).

Trong đó:

a) Các đơn vị cấp tỉnh: 320,0 triệu đồng.

b) Các huyện, thị xã, thành phố: 6.080,0 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

3.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường (chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hòa táng) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung có mục tiêu dự toán năm 2016 cho các đơn vị, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

4.2. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào kinh phí hỗ trợ được phân bổ có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định tại Quyết định số 5259/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đối tượng theo quy định hiện hành của nhà nước. Có trách nhiệm gửi báo cáo quyết toán thực hiện chính sách về Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa để tổng hợp trước ngày 15/02 năm sau. Riêng những đơn vị có nhu cầu bổ sung thì gửi báo cáo tình hình thực hiện (kèm theo chứng từ đã chi trả) về Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa trước ngày 30/10 năm kế hoạch để tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét bổ sung.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các ngành và các đơn vị liên quan căn cứ nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Lao động, Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn201627 (35).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

Phụ biểu:

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH SỬ DỤNG HÌNH THỨC HOẢ TÁNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 560 /QB-UBND, ngày 28/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Dân số	Dự kiến số người chết sử dụng hình thức hoả táng	Dự toán kinh phí đơn vị báo cáo năm 2016	Kinh phí hỗ trợ phân bổ đợt này
A	B	1	2	3	4
	Tổng cộng:		14.212	51.727.600	6.400.000
1	Các đơn vị dự toán cấp tỉnh		41	352.200	320.000
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội		15	119.500	110.000
2	Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2		10	89.500	80.000
3	Trung tâm Điều dưỡng người có công		6	53.700	50.000
4	Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội số 2 huyện Quan Hoá		10	89.500	80.000
11	Khôi huyện	3.400.595	14.171	51.375.400	6.080.000
1	Thành phố Thanh Hóa	322.488	1.935	8.025.600	830.000
2	Thị xã Sầm Sơn	53.536	268	329.450	120.000
3	Thị xã Bùn Sơn	53.442	267	540.100	120.000
4	Huyện Hoằng Hoá	221.689	1.108	3.665.250	470.000
5	Huyện Quảng Xương	219.552	1.098	11.209.000	470.000
6	Huyện Đông Sơn	74.349	372	1.457.750	160.000
7	Huyện Thiệu Hoá	152.940	765	1.215.000	330.000
8	Huyện Hà Trung	108.049	432	887.000	190.000
9	Huyện Nga Sơn	135.832	543	2.505.550	230.000
10	Huyện Hậu Lộc	165.742	663	1.912.650	280.000
11	Huyện Tĩnh Gia	214.665	859	946.150	370.000
12	Huyện Nông Cống	182.898	732	782.250	310.000
13	Huyện Triệu Sơn	195.566	782	1.393.200	340.000
14	Huyện Thọ Xuân	212.855	851	3.778.500	370.000
15	Huyện Yên Định	154.660	619	1.077.500	270.000
16	Huyện Vĩnh Lộc	80.348	321	1.643.350	140.000
17	Huyện Thạch Thành	136.221	409	2.830.000	170.000
18	Huyện Cẩm Thủy	100.326	301	1.077.500	130.000
19	Huyện Ngọc Lặc	129.025	387	2.175.000	170.000
20	Huyện Như Thanh	84.763	254	569.150	110.000
21	Huyện Lang Chánh	45.346	136	183.250	60.000
22	Huyện Bá Thước	96.360	289	578.850	120.000
23	Huyện Quan Hoá	41.789	131	615.000	50.000
24	Huyện Thường Xuân	83.218	250	1.488.600	110.000
25	Huyện Như Xuân	64.319	193	150.000	80.000
26	Huyện Quan Sơn	33.182	100	89.750	40.000
27	Huyện Mường Lát	35.435	106	250.000	40.000

[Signature]